

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2025

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng

Ông Nguyễn Vĩnh Lâm

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Quốc Huỳnh – Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 03 năm 2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025; Thông báo số 02/2025/TB.TA ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc thay đổi lịch phiên tòa giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị T, sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* ông Châu Khắc H, sinh năm: 1976; nơi cư trú: ấp K, xã T, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ cũ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ kiện như sau:

Về tình trạng hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Châu Khắc H tự nguyện chung sống với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An (sau khi sáp nhập là Ủy ban nhân xã T, tỉnh Tây Ninh). Sau khi kết hôn, bà T và ông H sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, cuộc sống

không có hạnh phúc. Đến nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không được khắc phục, sự việc kéo dài cho đến nay. Hiện nay, giữa bà T và ông H không còn hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Bà T và ông H sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay. Bà T đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà T và ông H có 02 (hai) con chung là anh Châu Khắc Bửu C, sinh ngày 21/10/1994, và anh Châu Khắc Viễn C1 sinh ngày 5/7/1999. Con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung.

Về phía bị đơn ông Châu Khắc H: ông H vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nên hồ sơ vụ án không thể hiện ý kiến của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Long An; hiện nay là ấp K, xã T, Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; hiện nay là Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy đã đủ điều kiện xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Lê Thị T và ông Châu Khắc H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04/1998 ngày 21/4/1998 nên quan hệ hôn nhân của bà Lê Thị T và ông Châu Khắc H là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn: tại đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bà T trình bày sau khi kết hôn, giữa bà T và ông H có cuộc sống hạnh phúc được thời gian đầu. Thời gian gần đây thì giữa vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã với nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên giữa vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 cho đến nay. Hiện nay, bà T vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Ông Châu Khắc H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đến lần thứ hai và không có văn bản trình bày ý kiến của anh về yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Lê Thị T và ông Châu Khắc H đã mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau, cuộc sống nhân không hạnh phúc. Hiện nay bà T vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu ly hôn với ông H. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông H đã đến mức trầm trọng, tình cảm giữa vợ và chồng không còn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung:

Trong thời gian chung sống với nhau, giữa bà Lê Thị T và ông Châu Khắc H có 02 (hai) con chung là anh Châu Khắc Bửu C, sinh ngày 21/10/1994 và anh Châu Khắc Viễn C1 sinh ngày 5/7/1999. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền trực tiếp nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T: bà Lê Thị T được ly hôn với ông Châu Khắc H.

2. Về án phí: bà Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị T đã nộp theo biên lai thu số 0003873 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An; hiện nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh sang thành án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 2 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2 - Tây Ninh
- UBND xã Tân Thạnh, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.
- Lưu AV

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Ánh